

Nguyễn Bính nhà thơ của nhiều thời

07:40 08/08/2020

1. Từ khi xuất hiện trong phong trào Thơ mới cho đến nay, Nguyễn Bính đã và chắc chắn vẫn sẽ luôn thuộc các nhà thơ có lượng độc giả đông đảo nhất. “Người Việt Nam còn yêu thơ Nguyễn Bính mãi, càng văn minh hiện đại lại càng trân trọng” (Vũ Quân Phương) Điều gì làm nên kỳ diệu ấy?

Có nhiều cách trả lời

Rằng, thơ Nguyễn Bính có “một điều quý vô ngần: *hồn xưa của đất nước*” (Hoài Thanh).

Rằng, “So với các nhà thơ lãng mạn trước đây, Nguyễn Bính đứng riêng một cõi” (Lê Đình Ky) v.v...



Xin nói thêm: Thơ Nguyễn Bính không bao giờ cũ. Nguyễn Bính là nhà thơ của nhiều thời. Vì ông luôn là khác biệt. Khác biệt một cách gần gũi. Gần gũi một cách

khác biệt. Tầng sâu nhất của thơ Nguyễn Bính không chỉ là hồn dân tộc, mà còn là “giọng nói của toàn nhân loại thức dậy” qua giọng nói của một con người, một cá nhân. Nói cách khác, thơ Nguyễn Bính “dường như nói bằng hàng nghìn giọng, mê đắm và thuyết phục, nó nâng cái mô tả từ chỗ ngắn ngủi một lần và tạm thời lên chỗ tồn tại muôn đời”.

2. Nguyễn Bính luôn là như thế, trước hết, ngay từ cách nhà thơ đến với hiện đại.

Trong thời kỳ nảy sinh và phát triển của thơ mới (từ năm 1932 đến năm 1945), “Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỉ”. Bấy giờ, vấn đề đặt ra cho quá trình tiếp biến văn hóa với phương Tây, chủ yếu là với Pháp, không còn là sự lựa chọn giữa canh tân và thủ cựu, mà là đổi mới như thế nào, theo chiều hướng nào. Trong lúc Âu hóa vừa là xu thế vừa là ưu thế của đổi mới theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu, với những nhà thơ rất tiêu biểu như Xuân Diệu “mới nhất trong các nhà Thơ mới”, Hàn Mặc Tử “lạ nhất trong các nhà Thơ mới”, Chế Lan Viên “không thể lấy kích thước thường mà hòng đo được” (Hoài Thanh), thì “người nhà quê Nguyễn Bính vẫn ngang nhiên sống như thường”, thơ Nguyễn Bính vẫn là “tiếng nói vui buồn của tâm hồn dân gian muôn thuở”. Thơ ông bổ sung một minh chứng rất sâu sắc và lý thú, thuyết phục về quy luật của mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, văn hóa dân gian và văn hóa dân tộc. Trong mối quan hệ này, văn học dân gian, văn hóa dân gian luôn là nền tảng, cơ sở, là văn học “mẹ”, văn hóa “mẹ”. Trong thời kỳ của Thơ mới, chính văn học dân gian, văn hóa dân gian, đất quê, hồn quê, đã dẫn Nguyễn Bính đến với hiện đại một cách đầy thuyết phục... Cách Nguyễn Bính đến với hiện đại thêm một lần làm sáng tỏ luận đề triết học: “Truyền thống là người lính canh của tinh thần nhân loại... Không có tâm linh nằm ngoài truyền thống”.

Thơ Nguyễn Bính đặc rết truyền thống, mà vẫn mới, vẫn riêng. Ông đã làm mới mê hồn thơ lục bát và thơ thất ngôn theo cách của ông. Nói về những nhà thơ tiêu biểu cho thơ lục bát, người ta sẽ, ngay lập tức, đi thẳng từ ca dao, Nguyễn Du đến Nguyễn Bính, như một mặc định. Đặc biệt, cùng với các nhà Thơ mới khác, Nguyễn Bính đã đưa cái tôi cá nhân, cũng là cái tôi của thời đại, cái tôi của nhân loại vào thơ, tự nhiên nhi nhiên, góp phần quan trọng đưa văn học Việt Nam “thực hiện một chuyển dịch quan trọng: vượt khỏi phạm vi khu vực để tiến vào thế giới”. Cái tôi ấy, vào những năm tháng đất nước dồn tất cả sức mạnh vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, tất nhiên sẽ không phù hợp. Nhưng khi cuộc sống trở lại trạng thái bình thường, nó lại tìm được những đồng vọng để hiểu thêm một thời và con người. “Thơ Nguyễn Bính thuộc trường hợp hiếm hoi..., bởi vì trong cuộc cọ xát cũ mới ấy, đã bộc lộ những sâu sắc trong tâm hồn không chỉ của một cá nhân, mà cả một dân tộc, không chỉ của một thời, mà, có lẽ, của nhiều thời...”. Cũng nhờ đó, Nguyễn Bính có các tập thơ hay (chẳng hạn, những tập thơ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), những bài thơ hay (*Lỡ bước sang ngang, Tương tư, Lòng mẹ, Chân quê, Cô hái mơ, Mưa xuân, Hoa cỏ may, Qua nhà, Thư cho thầy mẹ, Chờ nhau*, v.v...) và hàng trăm câu thơ tuyệt bút như thể trời đất, quý thần cho...

3. Một trong những nguyên nhân chính để Nguyễn Bính là nhà thơ của nhiều thời là thơ ông thể hiện rất đặc sắc rất nhiều cổ mẫu kết tinh từ những mô thức tâm lý. Từ

điển văn học giải thích: “Cổ mẫu là khái niệm dùng để chỉ những mẫu của các biểu tượng, các cấu trúc tinh thần bẩm sinh, trong tưởng tượng của con người, chứa đựng trong vô thức tập thể của cộng đồng nhân loại”. Nói cách khác, cổ mẫu là “những kinh nghiệm được lặp đi lặp lại nhiều lần của loài người”, “Kho báu của nhân loại nằm trong tính đa dạng sáng tạo, nhưng nguồn gốc của tính sáng tạo lại nằm trong tính thống nhất sinh thành của nhân loại”. Người đọc văn học theo lý thuyết cổ mẫu thường dõi theo những biểu tượng, những motif lặp đi lặp lại nhiều lần, có ý nghĩa phổ quát trong các tác phẩm để thấy những ý nghĩa điển hình của nó trong văn hóa, văn chương nhân loại và dân tộc cũng như những ý nghĩa chuyển dịch, xung năng, tương tác của nó trong các tác phẩm, tác giả cụ thể.

Xin chỉ nói về một vài cổ mẫu.

Trước hết là cổ mẫu *Hành trình*, cụ thể thêm: cổ mẫu *Đi và Lỡ bước*.

Hành trình, theo cách nhìn của lý thuyết cổ mẫu, “là tìm kiếm, tìm chân lý, bắt tử và phát hiện một trung tâm tinh thần”. *Hành trình* “trở thành dấu hiệu và biểu tượng của sự luôn luôn chối từ bản thân..., và cần kết luận rằng cuộc du hành duy nhất có giá trị là cuộc du hành của con người bên trong bản thân mình”. Nhân loại đã có bao nhiêu cuộc hành trình, đón đầu và vĩ đại: hành trình của Chúa, hành trình về đất Phật, hành trình về miền đất hứa, hành trình đòi Ai Cập, hành trình của Don Quixote, vv... Nguyễn Bính đã đi đâu, về đâu? Trở lại với không khí xã hội thời Thơ mới, hành trình của Nguyễn Bính là hành trình của thi sỹ “giang hồ”, cô đơn, lỡ bước, khi dấu ấn cuối cùng “giấc mơ quan trạng”, “*Ngựa bạch buông chùng áo Trạng Nguyên*” (Xóm Ngự Viên) - lý tưởng của nho sỹ bình dân một thời, đã vĩnh viễn khép lại: “*Khoa cử bỏ rồi, thôi hết Trạng*”, “*Lỡ duyên búi tóc củ hành/ Trường thi Nam Định biến thành trường bay*” (Con nhà nho cũ). *Anh đi đấy, anh về đâu/ Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm*. (Không đề).

Câu hỏi không lời đáp. Nhịp thơ cũng theo cánh buồm, nhỏ dần, rồi mất hút. Đến nhịp thơ cuối, không còn thấy màu nâu của cánh buồm. Nhịp thơ điệp mà không trùng. Đi mà không biết đi đâu! Về không biết về đâu. Như thân phận trên dòng sông cuộc đời mệnh mang, hoang vắng: “*Giang hồ ai biết đi đâu mà tìm*” (Giang hồ). Dễ hiểu vì sao thơ Nguyễn Bính hay nhắc nhiều đến *con đò, bến đò*, “chuyến đò thân thế”, và sân ga, con tàu: “*Đò sang còn một chuyến này/ Khách sang còn một người đây hồi đò!*” (Người đi), “*Đem thân đi với giang hồ/ Sân ga phẳng lặng, bến đò lênh đênh*” (Quê tôi). Ấy là con đò quê, ga là ga xép. Cũng có khi là con sông trong tâm tưởng, chảy rất mạnh, rất mệnh mang trong văn hóa phương Đông: sông Tương, sông Dịch. Thời gian chủ yếu là buổi chiều và trong đêm: “*Càng chiều anh thấy con đường càng xa*” (Định mệnh), “*Tàu biết bây giờ chạy đến đâu/ Đêm sâu hoàn trả lại đêm sâu*” (Chuyến tàu đêm). Con tàu, sân ga trong thơ Nguyễn Bính thật buồn...

Nguyễn Bính cũng là một bóng người giữa những bóng người đổ bóng xuống sân ga: “*bóng lẻ*”, “*Hai bóng chung lưng thành một bóng*”, “*bóng liêu xiêu*”, “*bóng nhòa trong bóng tối*”, “*Một mình làm cả cuộc phân ly*” (Những bóng người trên sân ga). *Tường vàng, mái đỏ màu son/ Nhà ga lại chứa linh hồn nhà ga*.

Cái “hiện đại” *tường vàng, ngói đỏ* bề ngoài của ga xép ai ngờ không dấu nỗi linh hồn của cuộc đời, thân phận, chia lìa và nước mắt. Màu sắc ấy của tường, của ngói còn gọi cả những liên tưởng khác. *Tường vàng*, bề ngoài tường rục rờ nhưng dường như đó cũng là màu của dáng hình, cuộc đời vàng vọt đang ngày càng phôi pha. Và màu đỏ như son của mái ngói, còn gọi ánh mắt đỏ hoe, trái tim đỏ máu trước những chia lìa buồn bã, tiễn đưa vô định, đã và đang diễn ra. *Linh hồn nhà ga* là linh hồn của những cuộc hành trình đi và đến, những cuộc chia ly không hẹn ngày gặp lại, hành trình và chia ly sâu thẳm ngay chính trong thân và phận mỗi con người. Nguyễn Bính chính là một hành trình cô đơn như vậy, một nhà ga cô đơn như vậy!

Chẳng ngẫu nhiên, “*Lỡ bước sang ngang*”, tên một bài thơ lại được đặt tên cho cả một tập thơ! Không chỉ người con gái “*lỡ bước sang ngang*”, mà chính Nguyễn Bính và cả thế hệ những người như ông “*lỡ bước sang ngang*” trong hành trình ấy, trên chuyến đò và sân ga ấy: *Năm ấy sang sông lỡ chuyến đò/ Đò đầy sóng lớn nước sông to/ Mười hai bến nước xa lãng lã/ Lâm tự ngày xưa, lỡ đến giờ.*

Trong hành trình “*dan díu nợ giang hồ*”, “*Tự mình đắp núi khơi sông/ Tự mình dày ải tấm lòng mình đi*” (Đêm nay khơi tỏ tim đèn), “*tâm hồn tôi*”, cái tôi đang tự đi tìm mình của Nguyễn Bính đến với rất nhiều nơi. Địa danh thực là Lạng Sơn, Vinh, Huế, Sài Gòn, ga Kép, v.v... Địa danh thực mà ảo, ảo mà thực hoặc hoàn toàn ảo thì nhiều hơn rất nhiều: “*Kinh thành*”, “*Xóm Ngự Viên*”, “*Mười hai bến nước*”, “*Mây Tần*”, “*Một nghìn cửa sổ*”, “*Lâu hoa*”, “*Rừng Mơ*”, “*Rừng mai*”, “*Bến mơ*”, “*Vườn Tiên*”, “*Suối Thiên Thai*”, v.v... Ông phân thân thành cặp đôi lập: *Tráng sĩ - Thi sĩ*. Con người “*Tráng sĩ*” của ông, có lẽ, là “*cái rớt*” cuối cùng của kiểu nhà nho tài tử trong văn học Việt Nam trung đại. Con người ấy vẫn có cái chất hào hoa, kiêu bạc nhưng xuất hiện đã rất lu mờ và đây cô đơn - cái cô đơn của tráng sĩ không còn hợp thời, không bao giờ có “*lúc khai hoàn thân gió bụi*” (Lá thư về Bắc). *Sông lạnh thấy đâu người gọi gió,/ Trăng tà tìm mãi kẻ mài gươm.* (Xuân vẫn tha hương). *Đem theo cát bụi đường xa lại/ Tráng sĩ dừng chân khẽ thở dài.* (Quán lạnh).

Con người “*Thi sĩ*” mới thực sự thể hiện “*cái tôi*” của Nguyễn Bính. Cũng như nhiều nhà thơ khác thời Thơ mới, Nguyễn Bính đến với Tình yêu, nhưng khác với nhiều nhà thơ khác, tiếng vọng của “*vô thức tập thể*”, của cổ mẫu luôn tự nhiên dật thành những vần thơ. Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ đã cụ thể hóa được cuộc sống vô thức của toàn nhân loại trong nhiều bài thơ tình yêu. Ông lý tưởng hóa tình yêu trong những bồn chồn, nhớ thương, day dứt. Và, như Platon, nhà hiền triết vĩ đại của nhân loại, đã nói: “*khi tình yêu được chuyển dịch từ một lý tưởng sang một con người bằng xương bằng thịt*”, từ ý niệm vĩnh cửu đến con người cụ thể, thì thực tế này lại đưa tới sự “*bất cân đối với những điều thiêng liêng*”. Vì thế, thơ tình của Nguyễn Bính cũng là hành trình *Đi - Lỡ bước*.

Nguyễn Bính có những vần thơ tương tư nổi tiếng: *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,/ Một người chín nhớ mười mong một người* (Tương tư). *Giếng thơi mưa ngập nước tràn/ Ba gian đây cả ba gian nắng chiếu* (Qua nhà). *Cô hái mơ ơi! Cô gái ơi/ Chẳng trả lời nhau lấy một lời!/ Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng/ Rừng mơ hiu hắt, lá mơ rơi...* (Cô hái mơ).

Ông vương quốc hóa, địa đàng hóa tình yêu: “*Ví chẳng có một nước Tình Ái/ Em làm hoàng hậu, anh làm vua*” (Ái khanh hành), “*Với người trong giấc mơ tiên/ Của chàng thi sĩ quê trên mây hồng*” (Mười hai bến nước), “*Hồ tiên đâu phải hồ trần/ Em không thả cá mà thuận thả thơ*” (Xây hồ bán nguyệt). Nỗi nhớ, sự chờ mong tình yêu trong thơ ông được dệt bằng bao cảm xúc, bao biểu tượng, đi thẳng vào trái tim người: *Ví chẳng nhớ có như tơ nhĩ/ Em thử quay xem được mấy vòng?/ Ví chẳng nhớ có như vừng nhĩ/ Em thử lào xem được mấy thưng?* (Nhớ).

Nguyễn Bính đi vào chính mình, nhờ đó đã nói được và nói rất hay, rất sâu những biện chứng tâm hồn, những qui luật tình cảm, cái điều của muôn thuở, muôn người: “*Mẹ cha thì nhớ thương mình/ Mình đi thương nhớ người tình xa xôi*” (Thư cho thầy mẹ), “*Trời xanh còn khóc nữa là/ Nhớ nhà ít, nhớ người ta thì nhiều*” (Gặp nhau). Sống trong tâm lý tình yêu, cảm nhận về thời gian, không gian trong thơ ông rất đặc biệt, theo cách dân gian nhưng vẫn là duy nhất của riêng ông, độc bản: “*Láng giềng đã đò đèn đầu/ Chờ em ăn bắp miếng trâu, em sang*” (Chờ nhau), “*Chờ mong như suốt đêm qua/ Chàng ơi! Một tháng là ba mươi ngày*”, “*Cách một ngày ngựa với ba ngày đò*” (Thư cho chị), “*Nhà em cách bốn quả đồi/ Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng*” (Xa cách), “*Thương như thế, nhớ làm sao/ Kinh thành biết có mưa rào đêm nay*” (Thương nhớ Kinh thành).

Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính phần lớn là lỡ hẹn, ly biệt. Ông nhập thân, hóa thân thành cô gái trong “*Mưa xuân*”. Mưa ấy, từ những bông hoa bụi “*phơi phới bay*”, nhanh chóng chuyển thành “*mưa nặng hạt*”, những hạt mưa sâu tủi, tội nghiệp, bẽ bàng. Con đường đến với tình yêu tưởng gần, hóa ra là xa ngái: *Mình em làm lữ trên đường về/ Có ngăn gì đâu một dải đê/ Ao mông che đầu mưa nặng hạt/ Lạnh lùng thêm tủi với đêm khuya*.

Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính cũng rất nhiều nước mắt biệt ly. Nỗi cô đơn của ông đủ lớn để vũ trụ hóa, vô tận hóa những nỗi đau và cô đơn của con người: “*Nước mắt là cơm bữa/ Hẹp tan như bèo trôi*” (Đề tặng ảnh), “*Đêm nay hai đứa chung tình ấy/ Khóc ướt trần gian để biệt nhau*” (Bạc tình)... Nhưng, đau khổ, cô đơn nhất của ông, có lẽ vẫn là hành trình vô vọng đi tìm cái tôi của mình: “*Tôi tìm đâu thấy mảnh trời Thần Tiên*”, “*Nhưng đau lòng biết bao nhiêu/ Người tôi yêu chỉ biết yêu như người*” (Đào Nguyên), “*Thương tôi mình hiểu cho tôi nhé/ Mà chỉ mình tôi mới hiểu tôi*” (Mười hai bến nước). “*Cái tôi là không thể chia sẻ được*”. Và thực ra, chính ông cũng không hiểu bản thân mình, vì thế ông luôn luôn đi tìm mình. Rõ ràng, thơ Nguyễn Bính là “*cuộc du hành của con người bên trong bản thân mình*”. Hành trình ấy không bao giờ tới đích...

Nguyễn Bính là nhân vật điển hình của cặp phạm trù *gia đình - không gia đình* thời Thơ mới. Đây cũng là cổ mẫu rất tiêu biểu của văn hóa và văn học nhân loại. Trong thơ Nguyễn Bính, mẫu đề *Không gia đình* luôn song hành với mẫu đề *Đi - Lỡ bước*. Với Nguyễn Bính, mỗ cô mẹ từ ba tháng tuổi, “*Mẹ hiền mắt sớm, gòai đầy làm thơ*”, sự bùng nổ của cảm xúc *Không gia đình* càng nhức buốt: *Con đi mười mấy năm trời,/ Một thân bé bỏng, nửa đời gió sương./ .../ Thầy ơi! Đừng bán vườn chè/ Mẹ ơi! Đừng chặt cây lê con trồng* (Thư cho Thầy Mẹ).

Những câu thơ ấy như được viết bằng cô đơn, bằng nước mắt!

Yêu gia đình, nhưng Nguyễn Bính vẫn là, nói đúng hơn, vẫn phải là “con chim lia đàn”: *Lạy đôi mắt mẹ đừng buồn,/ Ngày mai con lại lên đường ra đi (Lại đi). Hỡi ôi! Những kẻ lên đường/ Đang tâm để cả cô đơn lại nhà (Chia tay).*

Nguyễn Bính có gần mười bài thơ gửi chị Trúc, nhân vật có bóng dáng trong đời thật nhưng cũng là nhân vật văn học (*Lỡ bước sang ngang, Một chiều say, Xây hồ bán nguyệt, Xây lại cuộc đời, Xuân tha hương, Xuân vẫn tha hương, Xuân lại tha hương, Khăn hồng, Chị đã ghen*). Phần vì chị Trúc đẹp, duyên dáng, gần gũi, phần nữa, và đây mới là căn nguyên chính, nhà thơ thấy từ đây hình bóng của người mẹ, của những người thân yêu, của điểm tựa tin cậy để gửi gắm, sẻ chia, tỏ bày những tâm sự, những nỗi niềm khó biết nói cùng ai: “*Em đi non nước xa khơi quá/ Mỗi độ xuân về bao nhớ thương!*” (*Xuân vẫn tha hương*), “*Chiều ba mươi, hết năm rồi/ Nhà tôi, riêng một mình tôi vắng nhà*” (*Xuân về nhớ cố hương*). Chính từ tầng sâu tâm thức của tiếng vọng *Không gia đình*, ông đã có những vần thơ tuyệt bút của thánh thần: *Từ nay khi nhớ quê nhà/ Thấy mây Tần biết đó là thôn Vân (Anh về quê cũ).*

Các nhân vật trữ tình trong thơ Nguyễn Bính phần lớn cũng trong trạng thái tinh thần *Không gia đình*, cô đơn. Đó là cô sư nữ trẻ đẹp “*Có cô sư nữ người mong mỏng/ Buông thõng dây gầu xuống giếng thơi*” (*Chiều quê*); cụ sư già ép thân xác đến với cô tịch, vô thường: “*Sư già quét lá sau chùa/ Để thiêu xác lá trước giờ lên chuông*” (*Chùa vắng*). Đó là tráng sĩ: “*Đêm nay tráng sĩ không nơi trọ/ Nằm tạm qua đêm quán dọc đường*” (*Quán lạnh*). Đặc biệt, điển hình cho số phận, tâm trạng *Không gia đình* chính là người phụ nữ trong *Lỡ bước sang ngang*: “*Mười năm gói hận bên giường/ Mười năm nước mắt bữa thường thay canh*”. Tiếng pháo, dây pháo đỏ trong ngày cưới của các cô gái luôn gắn với tiếng thở dài của cả người trong cuộc và người ngoài cuộc. Cả đến người mẹ cũng sống trong bồn chồn, khắc khoải lo âu với trạng thái *Không gia đình* của người con gái khi đưa con bước chân về nhà chồng. Người mẹ gương cứng cõi, chủ động bao nhiêu trước mặt con, thì lại yếu mềm bấy nhiêu ngay khi bàn chân con bước khỏi nhà mình. Những câu thơ dưới đây cũng chính là “*Huyền thoại mẹ*”: *Đưa con ra đến cửa buồng thơi,/ Mẹ phải xa con khổ mấy mươi./ Con ạ! Đêm nay mình mẹ khóc,/ Đêm đêm, mình mẹ lại đưa thơi (Lòng mẹ).*

Chỉ dẫn một vài cổ mẫu trong thơ Nguyễn Bính, đủ thấy thơ ông có những tầng sâu, ma lực thế nào! Thơ Nguyễn Bính luôn là độc đáo, của riêng ông nhưng cũng là tâm trạng phổ quát, tiếng lòng của nhiều cá nhân không hề quen biết. Thơ Nguyễn Bính là thơ của nhiều người, nhiều nhà, nhiều thời. Những cổ mẫu thức dậy, đan dệt độc đáo trong thơ ông đã góp phần làm cho thơ Nguyễn Bính không chỉ ở tầm dân tộc mà còn thuộc tầm nhân loại.

4. Khi chấm giải cho tập thơ *Tâm hồn tôi* của Nguyễn Bính, nhà văn Thạch Lam thay mặt Hội đồng giám khảo “Giải thưởng văn chương Tự lực văn đoàn, năm 1937”, đã nhận xét: “Ông Nguyễn Bính sẽ trở nên một văn sĩ có tương lai”. Còn nhà phê bình Phạm Mạnh Phan, người đương thời Thơ mới, đánh giá: “Nguyễn Bính đích thực là thi sĩ, có những câu thơ tuyệt diệu”. Một số nhà thơ, nhà phê bình sau này nhận thấy thơ Nguyễn Bính có những dấu hiệu, đặc điểm của thiên tài. Nhà thơ

Nguyễn Đình Thi đặt câu hỏi và tự ông đã trả lời: “Cho đến tận hôm nay, có nhà thơ lục bát nào mà nhân dân thuộc nhiều như Nguyễn Bính chưa?!”

Bấy nhiêu cảm nhận, đánh giá, càng cho thấy Nguyễn Bính đã và sẽ là nhà thơ của nhiều thời.

Nguồn *Báo Văn nghệ* số 32/2020